

Số: 613 / THPTND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 9 năm 2024

**THÔNG BÁO**

**Về việc thu học phí và các khoản thu tháng 9,10,11,12/2024**

**Khối 10 và Khối 11**

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND);

Căn cứ Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2024-2025 (Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND);

Căn cứ công văn số 5307/SGDĐT-KHTC ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và đào tạo về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Quyết định số 600/QĐ-THPTND ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Trường THPT Nguyễn Du về công bố công khai học phí và các khoản thu khác năm học 2024-2025.

Nhà trường thông báo khoản thu, mức thu, thời gian, cách thức nộp học phí và các khoản thu khác tháng 9,10,11,12/2024 như sau:

**I. Khoản thu, mức thu:**

| STT | NỘI DUNG                                                                                                                   | THÁNG<br>9/2024   | THÁNG<br>10/2024  | THÁNG<br>11/2024  | THÁNG<br>12/2024  |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| 1   | Học phí                                                                                                                    | 120.000<br>đồng   | 120.000<br>đồng   | 120.000<br>đồng   | 120.000<br>đồng   |
| 2   | Tiền tổ chức thực hiện<br>Đề án Trường thực hiện<br>chương trình chất lượng<br>cao “Trường tiên tiến,<br>hội nhập quốc tế” | 1.725.000<br>đồng | 1.725.000<br>đồng | 1.725.000<br>đồng | 1.725.000<br>đồng |
| 3   | Tiền nước uống                                                                                                             | 20.000<br>đồng    | 20.000<br>đồng    | 20.000<br>đồng    | 20.000<br>đồng    |

| STT | NỘI DUNG                                                                                                                    | THÁNG<br>9/2024       | THÁNG<br>10/2024        | THÁNG<br>11/2024      | THÁNG<br>12/2024      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| 4   | Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số (bao gồm Sổ liên lạc điện tử, phần mềm học trực tuyến (LMS): | 22.000 đồng           | 22.000 đồng             | 22.000 đồng           | 22.000 đồng           |
| 5   | Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu                                                                                      |                       | 50.000 đồng             |                       |                       |
| 6   | Khoản thu Bảo hiểm y tế                                                                                                     |                       | 884.520 đồng (12 tháng) |                       |                       |
| 7   | Tiền học phẩm                                                                                                               |                       |                         | 50.000 đồng           |                       |
|     | <b>TỔNG CỘNG ĐỐI VỚI HỌC SINH KHÔNG THAM GIA BÁN TRÚ (1+2+3+4+5+6+7)</b>                                                    | <b>1.887.000 đồng</b> | <b>2.821.520 đồng</b>   | <b>1.937.000 đồng</b> | <b>1.887.000 đồng</b> |
| 8   | Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú                                                                         | 250.000 đồng          | 250.000 đồng            | 250.000 đồng          | 250.000 đồng          |
| 9   | Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú                                                                    | 200.000 đồng          |                         |                       |                       |
|     | <b>TỔNG CỘNG ĐỐI VỚI HỌC SINH THAM GIA BÁN TRÚ (1+2+3+4+5+6+7+8+9)</b>                                                      | <b>2.337.000 đồng</b> | <b>3.071.520 đồng</b>   | <b>2.187.000 đồng</b> | <b>2.137.000 đồng</b> |



**II. Thời gian thu:** Từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng

**III. Phương thức đóng tiền :**

**Cách 1:** chuyển vào tài khoản ngân hàng của nhà trường

Số tài khoản: **2066168**

Tên tài khoản: Trường THPT NGUYỄN DU

Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Số tiền: **x.xxx.xxx** đồng.



Nội dung chuyển tiền (PHHS ghi theo cú pháp như sau) :

HỌ VÀ TÊN HỌC SINH \_ LỚP \_ THÁNG .....

Ví dụ: NGUYEN VAN AN LOP10A1 THANG 9/2024

Lưu ý:

- Phụ huynh **chịu** phí chuyển khoản (nếu có).

**Cách 2:** đóng trực tiếp tiền mặt tại phòng tài vụ nhà trường:

|                 | Buổi sáng      | Buổi chiều      |
|-----------------|----------------|-----------------|
| Thứ 2 đến thứ 6 | 7:30 đến 11:30 | 13:00 đến 16:45 |



**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Văn Đỗ**

